

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam tăng điểm nhờ sự dẫn dắt của nhóm cổ phiếu chứng khoán và ngân hàng với thanh khoản giảm

[Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

Các HĐTL tăng điểm cùng chiều với diễn biến của thị trường cơ sở

[Thông tin doanh nghiệp]

NVL, BSR

[Cập nhật công ty]

PNJ

[Quan điểm đầu tư]

NDT được khuyến nghị bán hạ tỷ trọng trong các nhịp tăng vượt cản và chỉ mua trở lại trong các nhịp điều chỉnh về quanh vùng hỗ trợ

30/08/2023

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	1,213.16	+0.72
VN30	1,225.56	+0.83
HĐTL VN30F1M	1,224.20	+1.02
HNXIndex	247.96	+0.60
HNX30	519.73	+1.33
UPCoM	92.68	+0.35
USD/VND	24,146	+0.03
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	2.58	+0
Lãi suất qua đêm (%)	0.18	+5
Dầu (WTI, \$)	81.45	+0.36
Vàng (LME, \$)	1,936.19	-0.07



Điểm nhấn thị trường

VNIndex 1,213.16 (+0.72%)
KLGD (triệu CP) 864.6 (+2.3%)
GTGD (triệu US\$) 866.0 (-5.0%)

TTCK Việt Nam tăng điểm nhờ sự dẫn dắt của nhóm cổ phiếu chứng khoán và ngân hàng với thanh khoản giảm. Khối ngoại mua ròng, tập trung tại KDC (+0.00%), CTG (+2.72%), VRE (+1.54%).

HNXIndex 247.96 (+0.60%)
KLGD (triệu CP) 95.3 (-19.7%)
GTGD (triệu US\$) 76.4 (-10.0%)

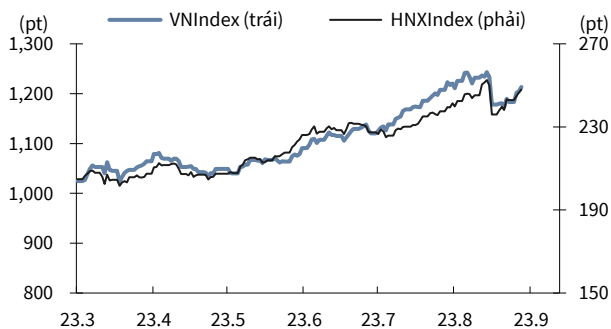
Giá thép hôm nay giao tháng 10/2023 trên Sàn giao dịch Thương Hải tăng 4 nhân dân tệ lên mức 3,670 nhân dân tệ/tấn tại thời điểm khảo sát vào lúc 9h50 (giờ Việt Nam). Cổ phiếu ngành thép tăng giá ở NKG (+2.17%), HSG (+3.14%).

UPCoM 92.68 (+0.35%)
KLGD (triệu CP) 38.7 (-34.1%)
GTGD (triệu US\$) 22.8 (-26.6%)

Lệnh áp thuế 20% đối với gạo đồ xuất khẩu của Ấn Độ đã khiến người mua và người bán hoãn các chuyển hàng khoảng 500.000 tấn đến sau thời điểm 15/10 để tránh phải trả thuế. Cổ phiếu ngành lúa gạo tăng giá ở PAN (+1.88%), AGM (+1.16%).

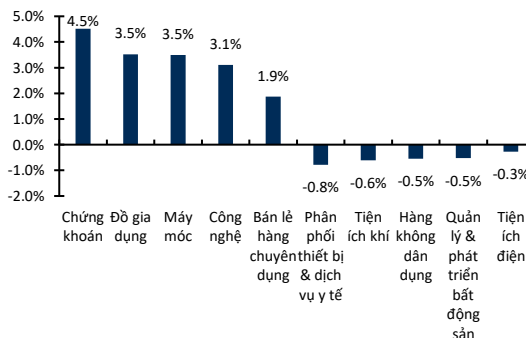
NĐTNN mua ròng (triệu US\$) +22.6

VNIndex & HNXIndex



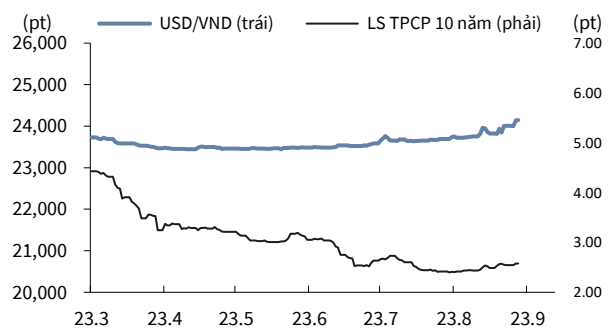
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



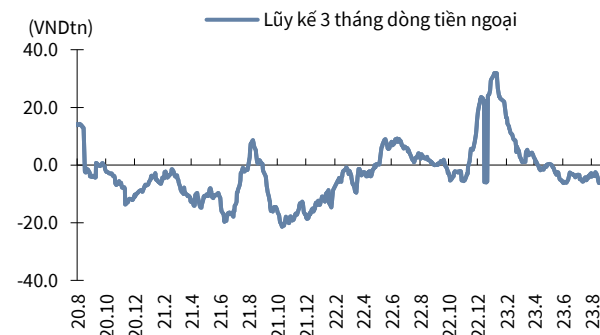
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

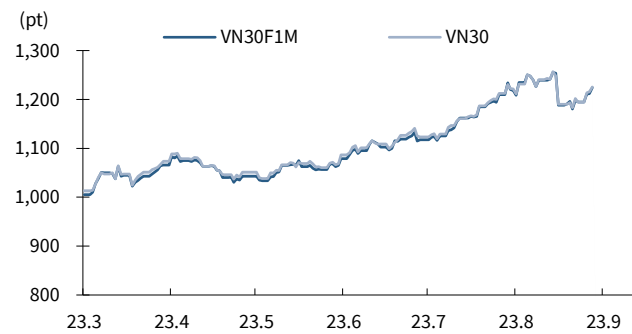
Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

VN30	1,225.56 (+0.83%)
VN30F1M	1,224.2 (+1.02%)
Mở cửa	1,214.4
Cao nhất	1,225.5
Thấp nhất	1,212.0

V#KBMainBody Các HĐTL tăng điểm cùng chiều với diễn biến của thị trường cơ sở. Chênh lệch giữa F2308 và VN30 mở cửa tại -1.77, sau đó biến động quanh mức -2.88 điểm và đóng cửa tại -1.36 điểm. Khối lượng giao dịch tăng.

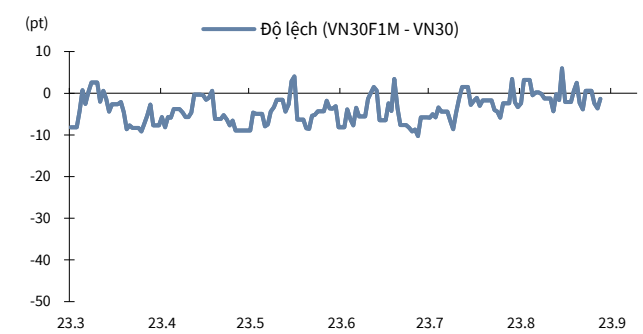
KLGD (HĐ)	215,979 (+12.0%)
------------------	-------------------------

HĐTL VN30F1M & VN30



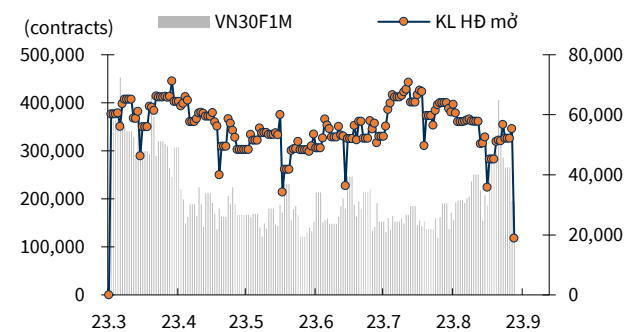
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



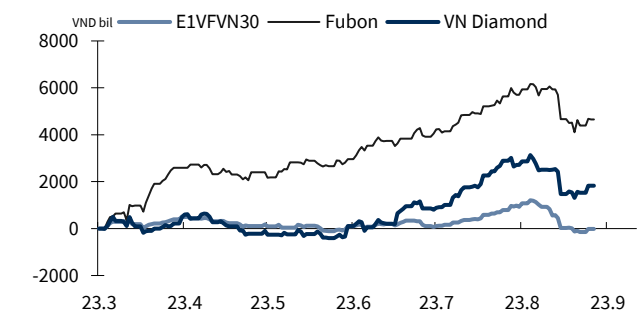
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

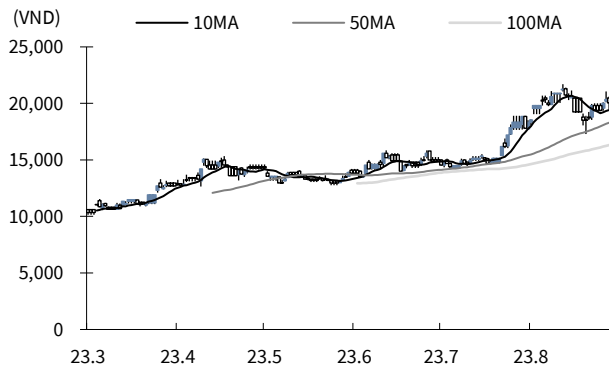
Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Thông tin doanh nghiệp

CTCP Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va (NVL)

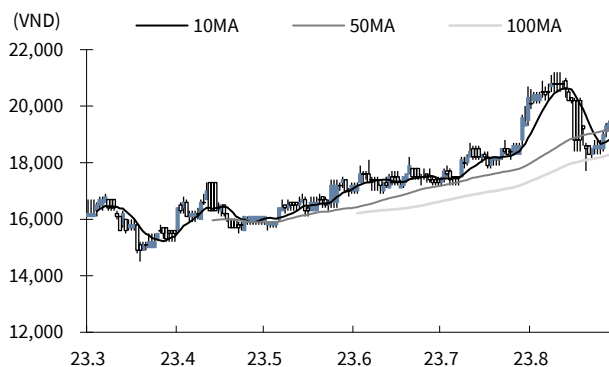


Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- NVL giảm 1.47% xuống 20,050 VND/cp

- CTCP Tập đoàn đầu tư Địa ốc No Va công bố báo cáo tài chính soát xét bán niên 2023 với điều chỉnh tăng số lỗ từ 611 tỷ đồng theo báo cáo công ty tự lập, lên thành lỗ 1,094 tỷ đồng. Điều này xuất phát từ việc trích lập dự phòng và điều chỉnh giảm thu nhập theo yêu cầu của kiểm toán. Kiểm toán cũng nêu rõ về khả năng hoạt động liên tục của Novaland dưới áp lực tài chính từ việc thanh toán nợ và trái phiếu đáo hạn.

CTCP Lọc hóa Dầu Bình Sơn (BSR)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- BSR tăng 1.04% lên 19,400 VND/cp

- Trong 8 tháng đầu năm, BSR gần đạt kế hoạch doanh thu và lợi nhuận năm 2023 với doanh thu 91,600 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế 4,400 tỷ đồng, đạt 96% và 270% kế hoạch. Sản lượng tiêu thụ đạt 4,6 triệu tấn, đạt 82% kế hoạch sản lượng năm 2023. Ngoài ra, BSR sẽ tiến hành chuyển sàn và niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán TP HCM (HOSE), dự kiến thực hiện vào quý IV/2023 (kế hoạch ban đầu là quý III).

CTCP Vàng bạc đá quý Phú Nhuận (PNJ)

Lửa thử vàng

28/08/2023

Chuyên viên phân tích Nguyễn Trường Giang
Giangnt1@kbsec.com.vn

KQKD 2Q2023 giảm sút tuy nhiên đã hoàn thành được 55% kế hoạch lợi nhuận

Mảng kinh doanh chính sụt giảm tuy nhiên tín hiệu tốt là PNJ đã chiếm thêm được thị phần

Mùa thấp điểm đã dần đi qua, hướng tới mùa cao điểm khi sức mua hồi phục

Khuyến nghị: MUA - Giá mục tiêu 91,600 VND

Kết thúc 2Q2023, PNJ đạt doanh thu thuần 6,663 tỷ đồng giảm 17.4% yoy do sức mua còn đang khá yếu hơn nữa thời điểm cùng kỳ bùng nổ sức mua cũng tạo ra mức nền cao. Biên LNG tăng nhẹ từ 17.8% lên 18% nhờ những nỗ lực tối ưu hàng hoá, tăng bán sản phẩm giá trị cao. LNST đạt 338 tỷ đồng giảm 8% yoy, lũy kế nửa đầu năm 2023 PNJ đã hoàn thành 55% kế hoạch lợi nhuận.

Doanh thu các mảng kinh doanh chính của PNJ đều giảm tương đối so với cùng kỳ. Mảng kinh doanh chính là bán lẻ trang sức chỉ đạt 3,919 tỷ (-21.3% yoy), mảng bán sỉ chỉ đạt 620 tỷ (-41.5% yoy), duy chỉ có mảng vàng miếng PNJ vẫn duy trì được doanh thu do đặc thù tài sản tích trữ giá trị. Mặc dù doanh thu bán lẻ giảm sút nhưng mảng bán sỉ giảm mạnh hơn nhiều cho thấy thị trường vàng gặp nhiều khó khăn và PNJ cũng đã phần nào chiếm được thị phần từ cửa hàng nhỏ lẻ.

KQKD các tháng gần đây của PNJ liên tục giảm mạnh phản ánh sức mua kém vào mùa thấp điểm. Tuy nhiên, tín hiệu tích cực trong tháng 6 khi LNST lần đầu tăng trưởng dương kể từ đầu năm. Dự báo KQKD sẽ hồi phục vào thời điểm cuối năm nhờ (1) mùa cao điểm cưới, ngày lễ (2) sức mua hồi phục nhờ những chính sách kích cầu, hỗ trợ kinh tế.

Chúng tôi dự phóng KQKD năm 2023 của PNJ với doanh thu thuần đạt 31,939 tỷ đồng (-5.7% yoy), LNST đạt 1,838 tỷ đồng (+1.4% yoy). Chúng tôi đưa ra khuyến nghị MUA đối với cổ phiếu PNJ với giá mục tiêu 91,600 VND/cổ phiếu.

MUA DUY TRÌ

Giá mục tiêu	91,600 VND
Tăng/giảm (%)	15%
Giá hiện tại (28/08/2023)	79,500VND
Giá mục tiêu đồng thuận	92,748VND
Vốn hóa (nghìn tỷ VND/tỷ USD)	25.8/1.08

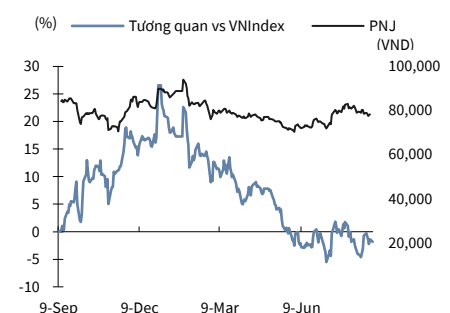
Dữ liệu giao dịch	
Tỷ lệ CP tự do chuyển nhượng	52.2%
GDTB 3 tháng (tỷ VND/triệu USD)	88.3/3.7
Sở hữu nước ngoài	49%
Cổ đông lớn	VIETFUND (9.16%)

Biến động giá cổ phiếu				
(%)	1M	3M	6M	12M
Tuyệt đối	-3	9	-1	-6
Tương đối	-1	0	-14	-2

Dự phóng KQKD & định giá

	2021	2022	2023F	2024F
Doanh số thuần (tỷ VND)	19,613	33,876	31,939	37,513
Lãi/lỗ từ hoạt động kinh doanh	1,305	2,338	2,328	2,940
Lợi nhuận sau thuế (tỷ VND)	1,033	1,811	1,838	2,321
EPS (nghìn VND)	4,161	7,358	7,464	9,429
Tăng trưởng EPS (%)	-3.4%	76.8%	1.4%	26.3%
P/E (x)	23.5	13.4	13.5	10.9
P/B (x)	4.0	2.9	2.6	2.2
ROE (%)	17%	25%	20%	22%
Tỷ suất cổ tức, phổ thông (%)	1.7%	2.5%	2.5%	2.5%

Nguồn: Bloomberg, KBSV



Nguồn: Bloomberg, KBSV

Quan điểm kỹ thuật

Xu hướng & Hành động

Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VNIndex trải qua một nhịp rung lắc giảm co trong phiên trước khi mở rộng đà tăng tích cực về cuối phiên.
- Lực mua chủ động gia tăng về cuối phiên đã giúp cho chỉ số mở rộng đà hồi phục tích cực và thử thách lại ngưỡng cản gần quanh 1210 (+5), tương ứng với MA20. Mặc dù vậy, với xu hướng giảm điểm trong ngắn hạn vẫn đóng vai trò chủ đạo, áp lực điều chỉnh sẽ trở nên ngày một rõ nét hơn nếu chỉ số không sớm vượt được ngưỡng cản đã đề cập.
- NĐT được khuyến nghị bán hạ tỷ trọng trong các nhịp tăng vượt cản và chỉ mua trở lại trong các nhịp điều chỉnh về quanh vùng hỗ trợ.

Chỉ số VN30



Thị trường phái sinh – Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1231 – 1235

Kháng cự gần: 1225 – 1227

Hỗ trợ gần: 1214 – 1218

Hỗ trợ xa: 1205 – 1207

- F1 trải qua một nhịp rung lắc giằng co trong phiên trước khi mở rộng đà tăng tích cực về cuối phiên.
- Lực mua chủ động gia tăng về cuối phiên đã giúp cho chỉ số mở rộng đà hồi phục tích cực và thử thách lại ngưỡng cản gần quanh 1220 (+5), tương ứng với MA20. Mặc dù vậy, với xu hướng giảm điểm trong ngắn hạn vẫn đóng vai trò chủ đạo, áp lực điều chỉnh sẽ trở nên ngày một rõ nét hơn nếu chỉ số không sớm vượt được ngưỡng cản đã đề cập.
- Chiến lược giao dịch trong phiên: Ưu tiên mở SHORT quanh các ngưỡng kháng cự.
- Chiến lược giao dịch qua đêm: Ưu tiên mở SHORT quanh các ngưỡng kháng cự.

Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.

KBSV danh mục đầu tư mẫu

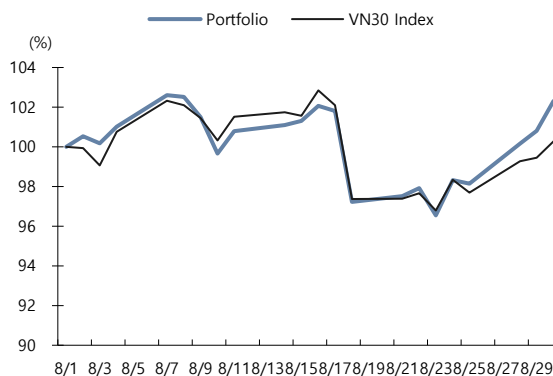
Khối phân tích KBSV

Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Danh mục giả định luôn duy trì tỷ trọng 100% cổ phiếu (bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều giữa các mã. NĐT cần kết hợp với xu hướng thị trường và mức độ hấp dẫn của từng mã để điều chỉnh tỷ trọng tương ứng.

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	0.83%	1.49%
Tăng lũy kế (YTD)	0.28%	2.30%

So sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 30/08/2023	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Vietcombank (VCB)	01/08/2023	89,100	0.8%	-2.3%	- Tỷ lệ bao phủ nợ xấu cao so với toàn ngành, giúp linh hoạt trong việc giảm dự phòng. - NIM được kỳ vọng sẽ duy trì ở mức hiện tại hoặc giảm nhẹ - Tham gia tái cấu trúc TCTC yếu kém sẽ giúp ngân hàng được cấp room tín dụng ~14%.
PC1 Group (PC1)	01/08/2023	25,800	0.8%	-7.5%	- Quy hoạch điện VIII phê duyệt giúp BLNG có thể được cải thiện lên 11% trong 2023 - Nhà máy khai thác Nickel tại Cao Bằng đã vận hành trong T4/2023 - PC1 dự kiến bàn giao toàn bộ 54 căn hộ thấp tầng tại dự án Gia Lâm trong 2023
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	01/08/2023	80,700	0.4%	-0.4%	- Ngành bán lẻ phục hồi sức mua theo nền kinh tế nhờ các hỗ trợ tài khóa và tiền tệ - Kỳ vọng BLNG cải thiện: 1) cơ cấu DM sản phẩm và 2) giảm bớt chính sách khuyến mại - Định giá về vùng hợp lý, giá đã phản ánh Kỳ vọng KQKD giảm tốc của mùa thấp điểm
Techcombank (TCB)	01/08/2023	34,000	0.3%	0.0%	- Tăng trưởng tín dụng duy trì ở mức cao nhờ vào hoạt động bán buôn - NIM chưa phục hồi nhưng CASA được cải thiện, đạt 35% so với 1Q23 là 32% - P/B đang giao dịch ở mức 0.98 lần. Thấp hơn trung bình ngành là 1.63
PV Power (POW)	01/08/2023	12,700	0.8%	-5.6%	- Nhà máy điện Vũng Áng 1 đang sửa chữa được dự kiến được quay trở lại vào quý 4/2023 - Nhu cầu phụ tải điện có xu hướng tăng trong khi thủy điện khó bù đắp sản lượng - Động lực tăng trưởng dài hạn đến từ 2 nhà máy nhiệt điện khí NT3 và NT4
FPT Corp (FPT)	01/08/2023	96,600	3.2%	14.3%	- Đạt KQKD tích cực 7 tháng đầu năm, kỳ vọng tăng trưởng 18% - 20% trong năm 2023 - Hưởng lợi từ tăng trưởng mảng công nghệ ở các thị trường chủ lực (Mỹ, Nhật) - Mảng giáo dục đầu tư duy trì tốc độ tăng trưởng cao và ổn Định
Viettel Post (VTP)	01/08/2023	43,700	4.5%	6.4%	- VTP kỳ vọng cải thiện BLNG mảng dịch vụ lên 7.8% nhờ tập trung vào tối ưu hóa chi phí - Sản lượng chuyển phát kỳ vọng tiếp tục đà tăng trưởng, nâng thị phần của VTP lên 21% - VTP dành nhiều nguồn lực cho việc mở rộng thị trường phân khúc khách hàng lớn
Kinh Bắc Group (KBC)	01/08/2023	33,600	1.2%	4.8%	- KBC kỳ vọng ghi nhận doanh số cho hơn 160ha đất KCN trong năm nay - Quỹ đất mới được phê duyệt 1,256 ha là động lực tăng trưởng trong trung và dài hạn - KĐT Trảng Cát và KCN Trảng Duệ 3 được kỳ vọng sẽ được đẩy nhanh tiến độ
Sacombank (STB)	01/08/2023	32,500	2.4%	12.3%	- STB hưởng lợi từ (1) Các động thái giảm lãi suất; (2) Thanh khoản được cải thiện - Tỷ lệ nợ xấu trong nhóm thấp nhất và nợ nhóm 2 giảm trong 1Q2023 - STB có đủ dư địa lợi nhuận để trích lập cho trái phiếu VAMC như kế hoạch đề ra.
Binh Son Refinery (BSR)	01/08/2023	19,400	0.5%	0.0%	- Mức crack spread có thể được cải thiện từ mùa cao điểm ở thị trường Trung Quốc và Mỹ. - Kế hoạch hoàn bảo dưỡng nhà máy có thể giúp doanh thu và LNST tăng mạnh - Dự án nâng cấp mở rộng nhà máy được chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
KDC	0.0%	17.5%	77.6
CTG	2.7%	27.6%	75.4
VRE	1.5%	32.6%	60.5
GMD	3.9%	47.6%	59.2
KBC	1.2%	20.8%	56.1

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
MSN	-0.5%	30.1%	-39.6
DPM	0.6%	15.4%	-29.6
SSI	3.6%	46.1%	-26.3
VPB	-0.2%	16.3%	-21.3
DCM	-0.7%	11.6%	-19.4

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
IDC	0.4%	1.1%	15.1
PVS	0.0%	19.8%	8.6
TNG	1.0%	20.4%	3.9
VNR	1.4%	27.6%	0.4
MBS	5.2%	0.8%	0.4

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
NVB	-1.4%	7.9%	-1.4
THD	-0.5%	0.6%	-0.8
HCC	-0.8%	18.5%	-0.3
HUT	1.9%	1.9%	-0.1
VTV	0.0%	0.4%	-0.1

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Chứng khoán	12.3%	SSI, VND, HCM, VCI
Công nghệ	11.3%	FPT, CMG, ELC
Bán lẻ hàng chuyên dụng	8.8%	MWG, FRT, CTF, HAX
Hóa chất	8.6%	GVR, DGC, DPM, DCM
Máy móc	8.4%	TCH, HHS, SRF, SHA

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Tiện ích khí	-2.5%	GAS, PGD, PMG
Bao bì & đóng gói	-1.6%	TDP, SVI, MCP, TPC
Bảo hiểm	-0.9%	BVH, MIG, BIC, BMI
Khách sạn, Nhà hàng & Giải trí	-0.3%	AST, VNG, DSN, DAH
Quản lý & phát triển bất động sản	0.4%	VHM, VIC, NVL, BCM

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Máy móc	34.2%	TCH, HHS, SRF, SHA
Công nghệ	14.2%	FPT, CMG, ELC
Chứng khoán	10.9%	SSI, VND, HCM, VCI
Phụ tùng oto	8.4%	DRC, CSM, PAC, TNC
Đồ gia dụng	8.2%	TTF, GDT, EVE, SAV

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Phân phối thiết bị & dịch vụ y tế	-9.6%	TNH, JVC, VMD
Tập đoàn công nghiệp	-6.4%	REE, BCG, PET, EVG
Sản phẩm xây dựng	-5.4%	VGC, BMP, SHI, DAG
Dầu, khí và nhiên liệu tiêu hao	-4.4%	PLX, PGC, CNG, GSP
Tiện ích điện	-4.1%	PGV, NT2, PPC, TTA

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VND tỷ, USDmn)	Room còn lại (%, -1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	97,778	372,067 (16,170)	1,069,661 (44.8)	22.5	73.4	68.7	14.7	2.9	2.9	2.1	2.0	-2.2	-4.6	20.4	15.2
	VHM	VINHOMES JSC	79,385	339,478 (14,753)	315,544 (13.2)	26.6	6.7	6.1	35.9	21.3	19.4	1.4	1.2	0.0	0.2	-7.3	13.8
	VRE	VINCOM RETAIL JS	34,850	79,190 (3,442)	227,447 (9.5)	17.8	16.7	15.8	-7.6	11.9	10.9	1.8	1.7	1.5	3.3	3.1	12.9
	NVL	NOVALAND INVESTM	45,853	86,712 (3,768)	938,377 (39.4)	31.3	-	-	6.7	-3.8	-0.7	1.1	1.1	-1.5	7.2	9.3	43.2
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	28,347	19,167 (833)	69,269 (2.9)	11.6	27.6	24.9	13.7	8.2	8.2	1.9	1.9	1.0	7.0	-2.4	35.3
	DXG	DAT XANH GROUP	21,130	12,594 (547)	545,717 (22.9)	13.9	41.3	43.6	-	3.7	3.4	1.4	1.4	1.1	17.5	17.2	74.1
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	67,686	378,305 (16,441)	117,584 (4.9)	6.3	14.8	12.2	11.7	23.7	22.5	2.7	2.2	0.8	3.2	-4.2	31.5
	BID	BANK FOR INVESTM	34,507	174,556 (7,586)	88,068 (3.7)	12.7	11.2	9.2	-5.3	19.1	19.0	2.0	1.6	0.9	1.1	-1.1	19.7
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	38,900	136,341 (5,925)	217,222 (9.1)	0.0	6.5	5.1	14.3	15.0	16.3	0.9	0.8	0.3	2.4	0.6	31.5
	CTG	VIETNAM JS COMM	28,512	137,021 (5,955)	254,449 (10.7)	1.4	8.1	6.9	50.3	16.3	16.4	1.2	1.1	2.7	2.6	8.8	17.8
	VPB	VIETNAM PROSPERI	15,296	101,381 (4,406)	386,402 (16.2)	0.0	9.6	7.2	18.8	11.4	12.9	1.3	1.1	-0.2	2.7	-5.9	16.2
	MBB	MILITARY COMMERC	14,063	73,327 (3,187)	179,824 (7.5)	0.0	5.0	4.2	14.6	23.0	22.4	1.0	0.8	0.8	2.2	-1.6	23.7
	HDB	HDBANK	14,191	40,641 (1,766)	45,461 (1.9)	4.2	5.1	3.9	23.3	25.8	23.8	-	-	0.9	1.6	-5.2	17.9
	STB	SACOMBANK	18,600	33,548 (1,458)	818,651 (34.3)	14.0	8.1	5.3	26.5	18.8	23.0	1.3	1.0	2.4	5.2	13.4	44.4
	TPB	TIEN PHONG COMME	14,821	28,732 (1,249)	162,061 (6.8)	0.0	7.5	6.5	37.4	19.6	19.7	1.2	1.0	2.9	5.7	4.5	29.3
EIB	VIETNAM EXPORT-I	15,417	22,745 (988)	248,184 (10.4)	0.2	-	-	27.3	-	-	-	-	1.2	7.4	23.7	8.6	
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	61,900	45,950 (1,997)	41,399 (1.7)	21.0	16.0	15.2	15.8	11.4	9.8	1.5	1.4	0.6	-1.0	-3.4	-3.3
	BMI	BAOMINH INSURANC	22,250	2,439 (106)	7,450 (0.3)	14.2	-	-	9.1	13.4	-	-	-	0.0	-0.7	8.3	30.2
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	20,676	19,947 (867)	793,651 (33.2)	55.4	-	-	-3.2	12.8	-	-	-	3.6	10.2	12.6	89.3
	VCI	VIETCAP	21,154	9,108 (396)	207,172 (8.7)	71.9	-	-	-4.0	-	-	-	-	3.5	11.7	8.3	101.7
	HCM	HO CHI MINH CITY	22,265	8,907 (387)	184,851 (7.7)	52.4	-	-	-19.0	-	-	-	-	6.9	13.3	6.0	63.5
	VND	VNDIRECT SECURIT	6,983	5,734 (249)	729,935 (30.6)	27.2	-	-	36.3	-	-	-	-	4.9	14.4	15.8	74.1
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	109,000	227,805 (9,900)	265,666 (11.1)	42.1	18.9	16.1	4.0	29.5	32.3	5.4	5.5	0.5	5.9	0.5	2.2
	SAB	SAIGON BEER ALCO	192,500	123,447 (5,365)	40,915 (1.7)	36.9	24.8	21.7	7.3	19.4	19.7	4.0	3.6	1.1	6.5	1.8	-4.3
	MSN	MASAN GROUP CORP	79,250	111,712 (4,855)	182,322 (7.7)	16.5	49.8	27.2	-51.9	8.0	13.9	6.2	5.4	-0.5	2.7	-7.5	-14.4
	HNG	HOANG ANH GIA LA	12,450	13,801 (600)	25,824 (1.1)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	0.2	2.2	-1.4	-1.4
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	131,800	69,042 (3,001)	88,868 (3.7)	11.0	55.5	25.5	-88.5	6.4	13.2	3.3	2.8	-0.6	0.4	-0.9	-11.5
	GMD	GEMADEPT CORP	33,100	9,976 (434)	70,813 (3.0)	10.8	11.0	15.3	-57.0	29.7	13.0	2.0	1.9	3.9	8.7	1.7	29.3
	CII	HO CHI MINH CITY	22,600	5,398 (235)	267,278 (11.2)	38.4	17.8	14.5	65.7	2.4	3.8	1.1	1.1	3.7	11.5	8.8	72.5
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,670	2,083 (091)	#N/A (#N/A)	46.4	-	-	-92.4	-	-	-	-	-	-	-	-
	GEX	GELEX GROUP JSC	15,802	10,411 (452)	438,135 (18.4)	37.7	-	-	-14.4	-	-	-	-	1.7	9.1	3.8	88.7
	CTD	COTECCONS CONSTR	73,200	5,438 (236)	80,577 (3.4)	3.6	25.4	30.2	-52.4	-0.2	2.1	0.6	0.6	-1.3	4.6	-16.2	87.5
	REE	REE	45,066	18,419 (800)	53,019 (2.2)	0.0	10.1	9.2	-4.5	14.9	14.8	1.5	1.3	0.3	3.1	-7.4	1.3

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VND triệu, USDmn)	Room còn lại (%, -1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	90,100	172,447 (7,494)	55,317 (2.3)	46.1	15.8	14.8	-17.5	18.5	16.6	3.0	2.8	-0.6	-2.6	-0.2	-2.2
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,850	6,578 (286)	19,895 (0.8)	31.4	12.1	10.8	-10.5	13.7	16.2	1.7	1.7	0.0	0.2	-5.8	-4.5
	PPC	PHA LAI THERMAL	26,200	8,400 (365)	3,774 (0.2)	34.1	-	-	-5.1	-	-	-	-	-1.0	6.2	-3.0	14.6
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	24,986	145,287 (6,314)	783,603 (32.9)	18.0	21.4	12.2	21.9	7.4	12.5	1.5	1.4	0.7	6.0	-3.9	51.1
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,400	6,809 (296)	133,989 (5.6)	36.5	9.4	9.8	-0.5	11.0	11.8	1.0	1.1	0.6	2.7	-6.3	-15.8
	DCM	PETRO CA MAU FER	13,650	7,226 (314)	144,499 (6.1)	46.5	12.3	8.1	-4.5	11.6	17.6	1.5	1.4	-0.7	-5.4	-0.3	14.7
	HSG	HOA SEN GROUP	18,314	11,063 (481)	254,819 (10.7)	38.9	-	17.2	67.9	3.0	7.1	1.2	1.1	3.1	7.7	2.1	75.7
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,864	3,138 (136)	110,439 (4.6)	97.2	-	-	17.2	-	-	-	-	-1.4	1.4	-13.4	56.7
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	56,100	68,375 (2,972)	60,768 (2.6)	4.6	16.5	15.1	-51.0	12.9	11.9	1.9	1.8	0.9	2.7	-4.1	21.1
	PVD	PETROVIETNAM DRI	17,727	9,854 (428)	109,146 (4.6)	39.9	36.1	21.7	-11.9	4.9	8.0	1.0	1.0	0.0	3.3	-5.1	40.6
	PVT	PETROVIET TRANSP	17,900	5,793 (252)	78,676 (3.3)	35.9	7.7	7.1	2.2	15.3	14.7	1.1	1.0	0.0	2.5	-5.3	1.1
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	46,500	65,024 (2,826)	392,435 (16.5)	0.0	78.5	16.5	14.4	4.2	16.8	3.2	2.8	1.7	8.2	-1.3	25.4
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	65,625	19,895 (865)	60,089 (2.5)	0.0	15.0	12.7	2.4	20.1	21.0	2.9	2.5	0.4	4.1	-2.3	-10.2
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	40,300	1,261 (055)	1,613 (0.1)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	-3.8	5.0	-10.3	41.4
	FRT	FPT DIGITAL RETA	16,348	2,227 (097)	108,804 (4.6)	30.3	54.0	25.6	-75.2	10.7	18.3	5.1	4.3	2.8	12.6	6.4	38.8
Chăm sóc sức khỏe	PHR	PHUOC HOA RUBBER	61,900	8,387 (365)	24,489 (1.0)	34.6	12.2	14.0	41.2	15.9	13.4	2.0	1.9	1.8	5.1	-4.2	27.7
	DHG	DHG PHARMACEUTIC	100,300	13,114 (570)	4,697 (0.2)	45.4	13.5	12.6	10.7	25.4	23.8	3.1	2.7	1.0	2.3	-0.5	37.1
IT	PME	PYMEPHARCO JSC	80,200	6,016 (261)	#N/A (#N/A)	11.7	-	-	1.6	-	-	-	-	-	-	-	-
	FPT	FPT CORP	49,275	61,301 (2,664)	171,787 (7.2)	0.0	20.6	16.8	15.5	28.1	30.8	5.2	4.3	3.2	11.7	14.5	44.5

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHỐI PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Nguyễn Xuân Bình – Giám đốc phân tích
binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích doanh nghiệp

Ngân hàng, Bảo hiểm & Chứng khoán

Nguyễn Anh Tùng – Trưởng nhóm
tungna@kbsec.com.vn

Phạm Phương Linh – Chuyên viên phân tích
linhpp@kbsec.com.vn

Bất động sản, Xây dựng & Vật liệu xây dựng

Phạm Hoàng Bảo Nga – Chuyên viên phân tích cao cấp
ngaphb@kbsec.com.vn

Nguyễn Dương Nguyên – Chuyên viên phân tích
nguyenn1@kbsec.com.vn

Bán lẻ & Hàng tiêu dùng

Nguyễn Trường Giang – Chuyên viên phân tích
giangnt1@kbsec.com.vn

Bất động sản khu công nghiệp & Logistics

Nguyễn Thị Ngọc Anh – Chuyên viên phân tích
anhntn@kbsec.com.vn

Công nghệ thông tin & Tiện ích

Nguyễn Đình Thuận – Chuyên viên phân tích
thuann1@kbsec.com.vn

Dầu khí & Hóa Chất

Phạm Minh Hiếu – Chuyên viên phân tích
hieupm@kbsec.com.vn

Khối phân tích
research@kbsec.com.vn

Phân tích vĩ mô & Chiến lược đầu tư

Trần Đức Anh – Giám đốc vĩ mô & Chiến lược đầu tư
anhhd@kbsec.com.vn

Vĩ mô & Ngân hàng

Hồ Đức Thành – Chuyên viên phân tích
thanhhd@kbsec.com.vn

Vũ Thu Uyên – Chuyên viên phân tích
uyenvt@kbsec.com.vn

Chiến lược đầu tư

Thái Hữu Công – Chuyên viên phân tích
congh@kbsec.com.vn

Nghiêm Sỹ Tiến – Chuyên viên phân tích
tiens@kbsec.com.vn

Bộ phận Hỗ trợ

Nguyễn Cẩm Thơ – Chuyên viên hỗ trợ
thonc@kbsec.com.vn

Nguyễn Thị Hương – Chuyên viên hỗ trợ
huongnt3@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng 16&17, Tháp 2, Tòa nhà Capital Place, số 29 Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin và dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin và dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các trường hợp và mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình và chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung và chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.

